

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2019/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 12 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 123/2019/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ **Anh Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện L, tỉnh Q.

+ **Chị Phạm Thị Ng**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm 4A, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H và chị Phạm Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Q vào ngày 18/4/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm ăn tại thành phố H, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng phần ai nấy sống, tiền phần ai làm nấy tiêu, luôn nghi ngờ trong tình cảm vợ chồng, giữa anh, chị xảy ra cãi vã dẫn đến xô sát nhau nhiều lần. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải cho anh, chị nhưng hai bên không thể hàn gắn và anh, chị đã quyết định sống ly thân. Chị Ng dẫn đưa con lớn về quê ở xã B, huyện B sống cùng với cha mẹ đẻ, anh H dẫn đưa con nhỏ về quê xã A, huyện L sống cùng với cha mẹ đẻ. Nay anh H

và chị Ng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị để giải thoát cho đôi bên. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2]. Về con chung: Giữa anh H và chị Ng có hai con chung là Nguyễn Kiều Hoàng Th, sinh ngày 16/6/2016 và Nguyễn Kiều Lâm G, sinh ngày 12/12/2013. Hai bên thỏa thuận giao cháu Gi cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Th cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H và chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy giữa anh H và chị Ng có điều kiện kinh tế như nhau, hiện nay anh H sống với cha mẹ đẻ của anh, chị Ng sống với cha mẹ đẻ của chị, họ đều là lao động tự do, cháu Th đang sống ổn định với anh H, cháu G đang sống ổn định với chị Ng nên việc mỗi người nuôi mỗi con là đảm bảo sự phát triển về tinh thần và thể chất cho các cháu. Sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Hữu H và chị Phạm Thị Ng.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H và chị Phạm Thị Ng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kiều Lâm G, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Phạm Thị Ng tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Kiều Hoàng Th, sinh ngày 16/6/2016 cho anh Nguyễn Hữu H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị Ng không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hữu H và chị Phạm Thị Ng có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Hữu H và chị Phạm Thị Ng có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh H, chị Ng đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002668, ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q nên được khấu trừ xong.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, THA huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Đình Chung